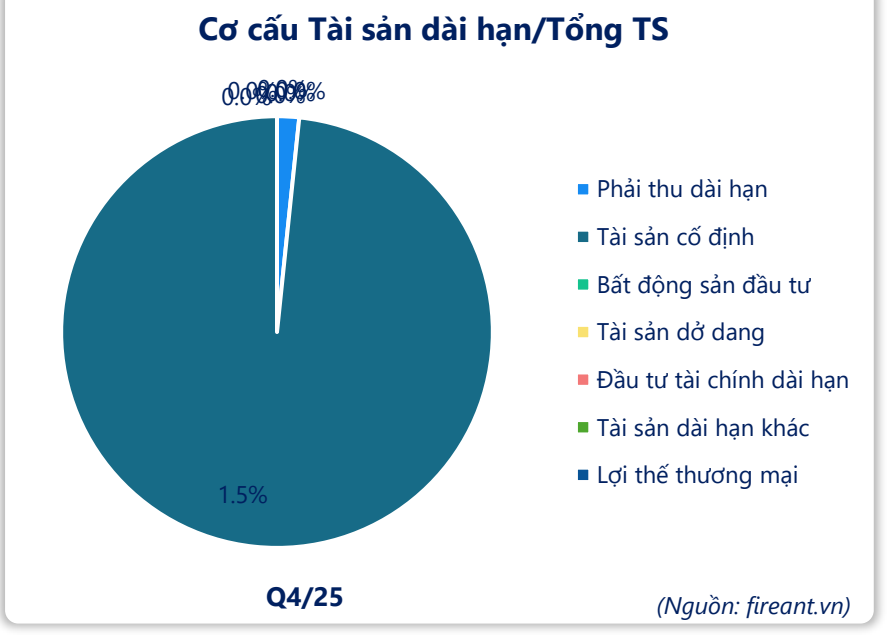
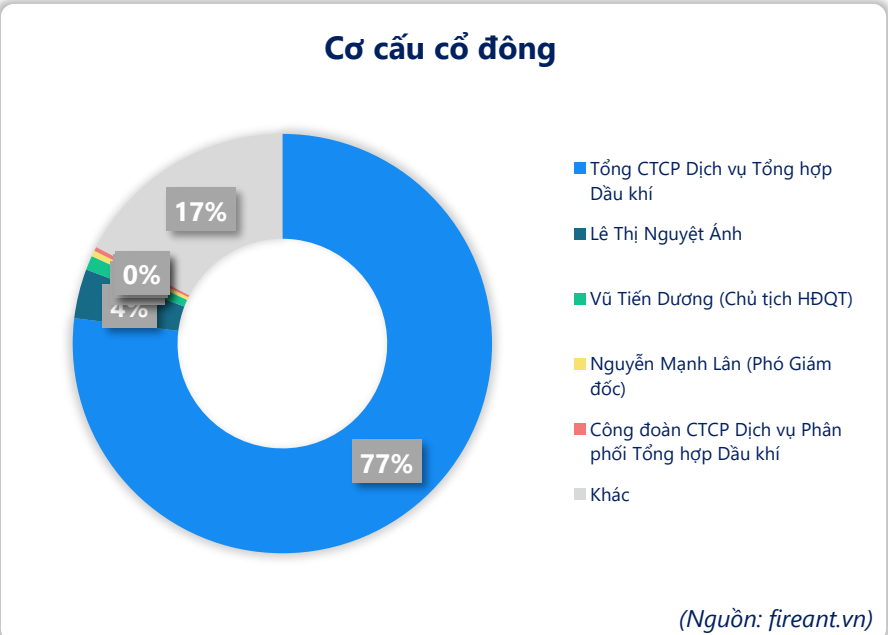
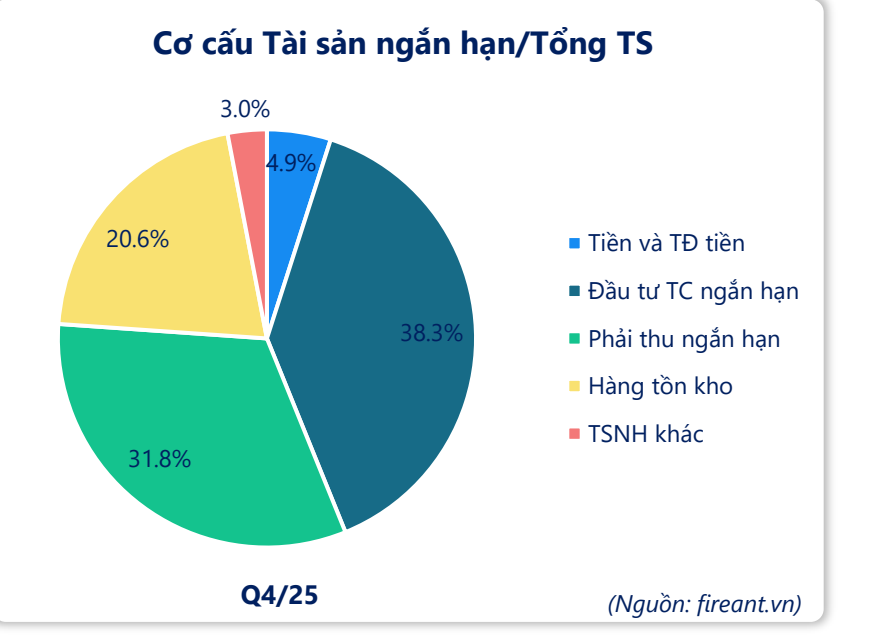
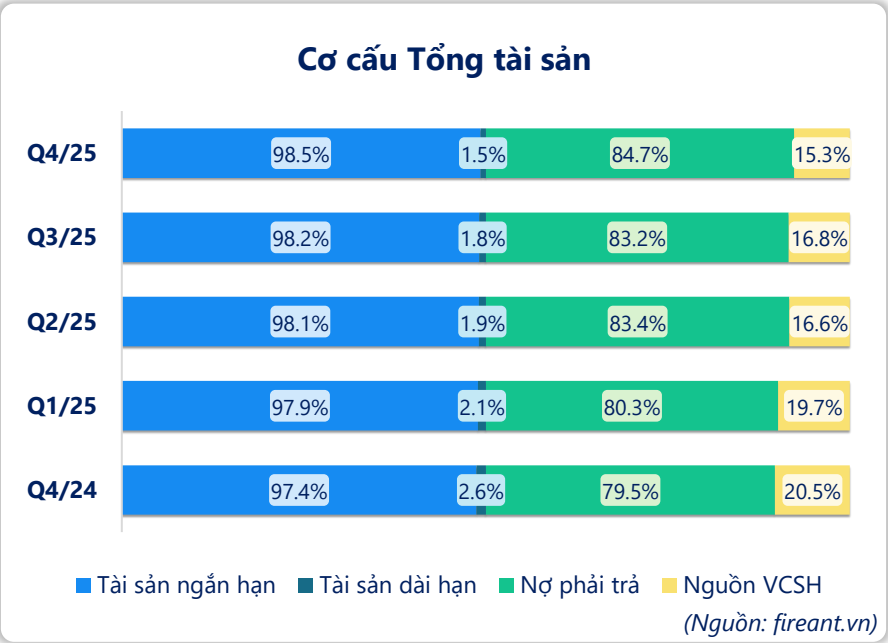
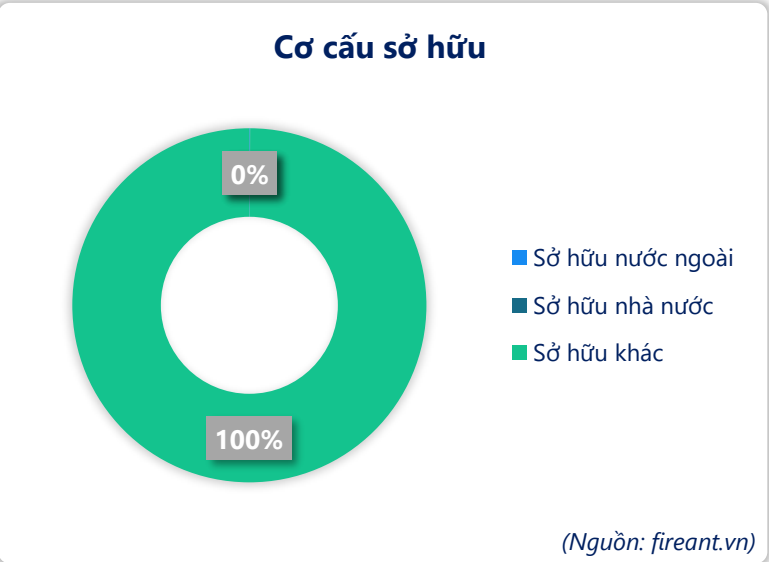
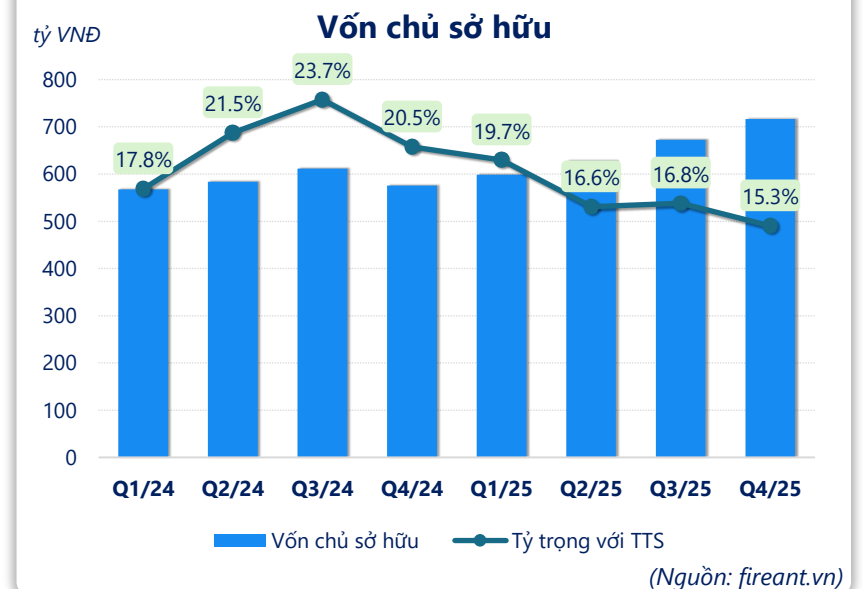
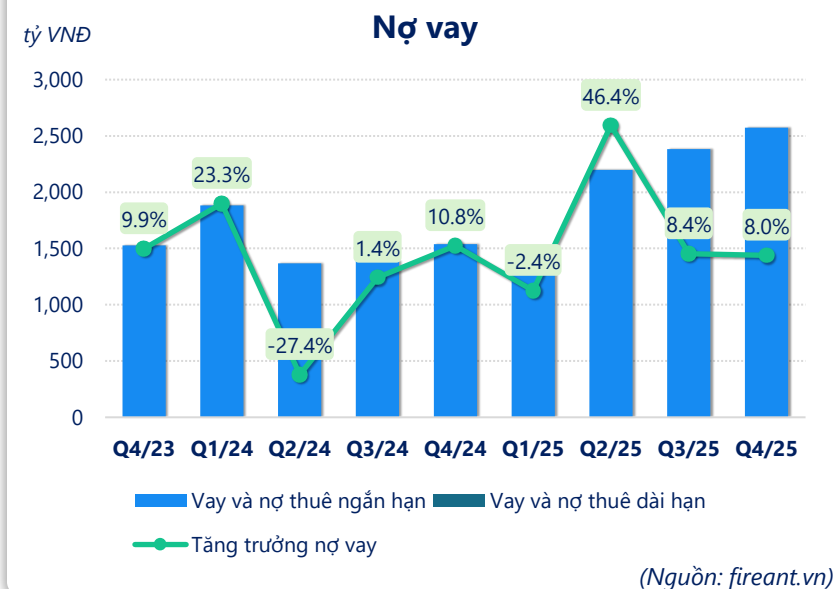
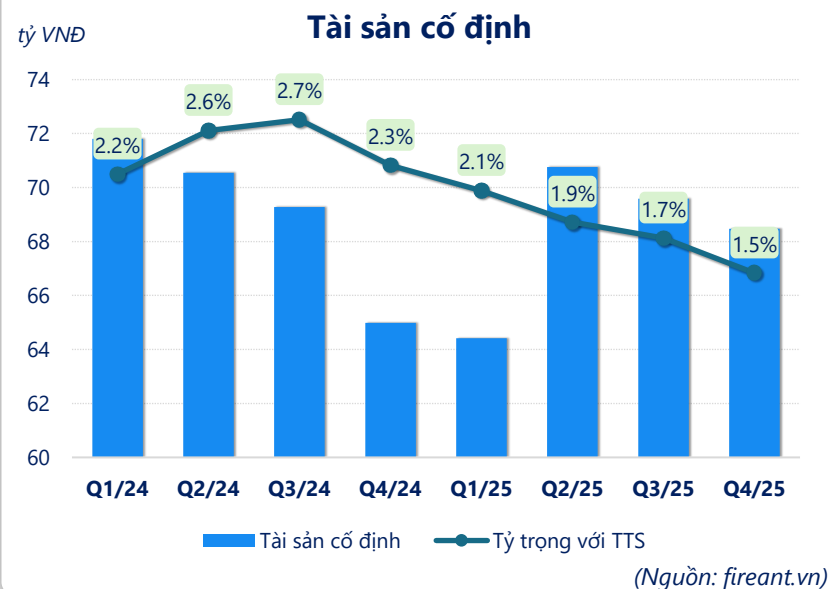
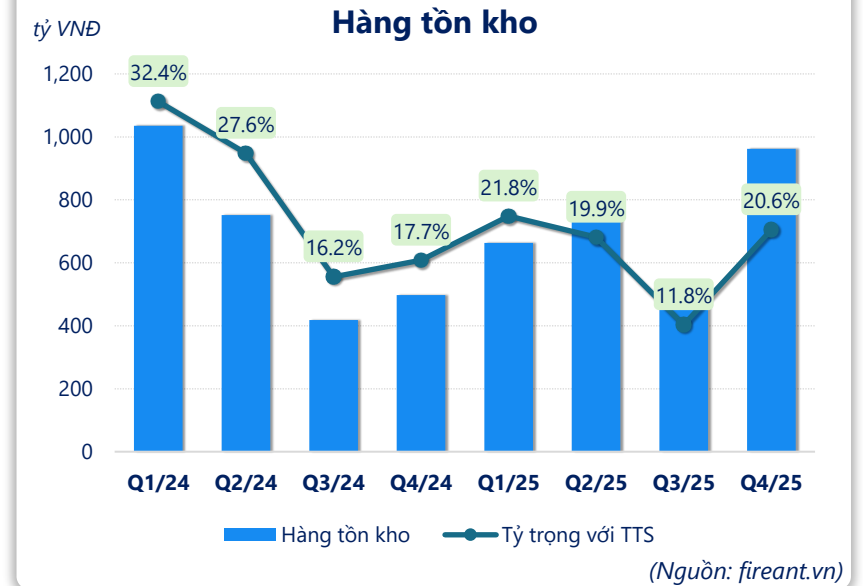
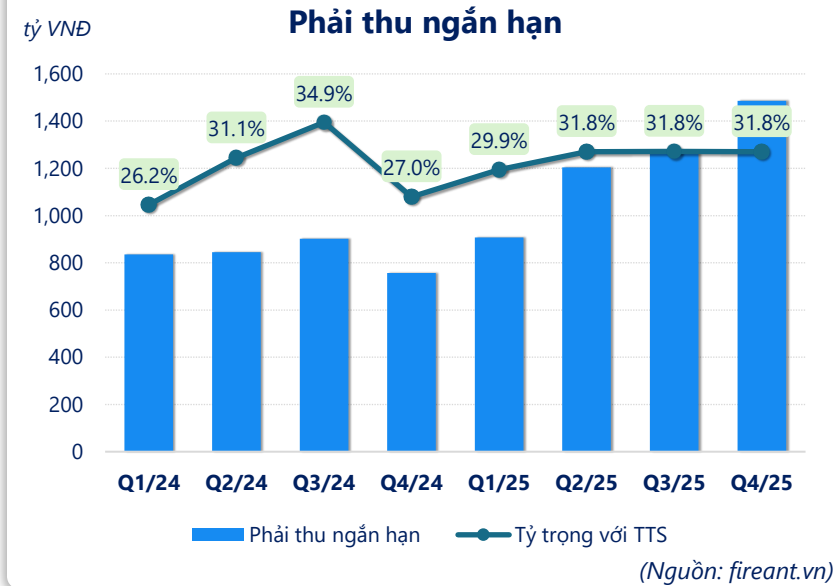
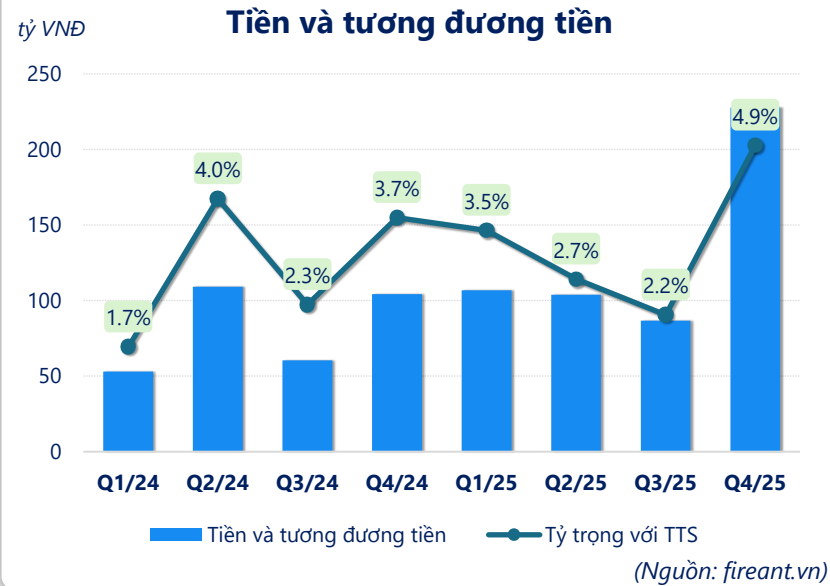
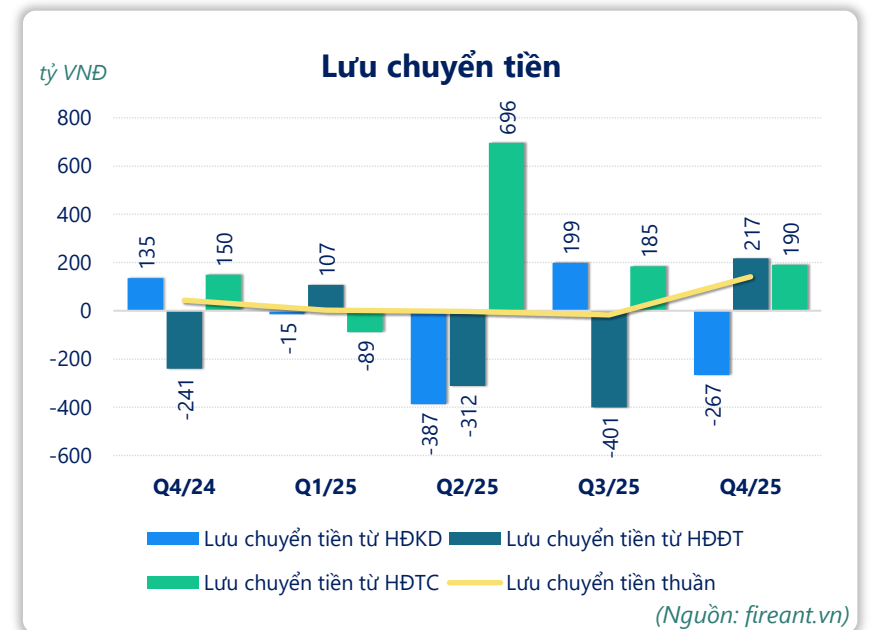
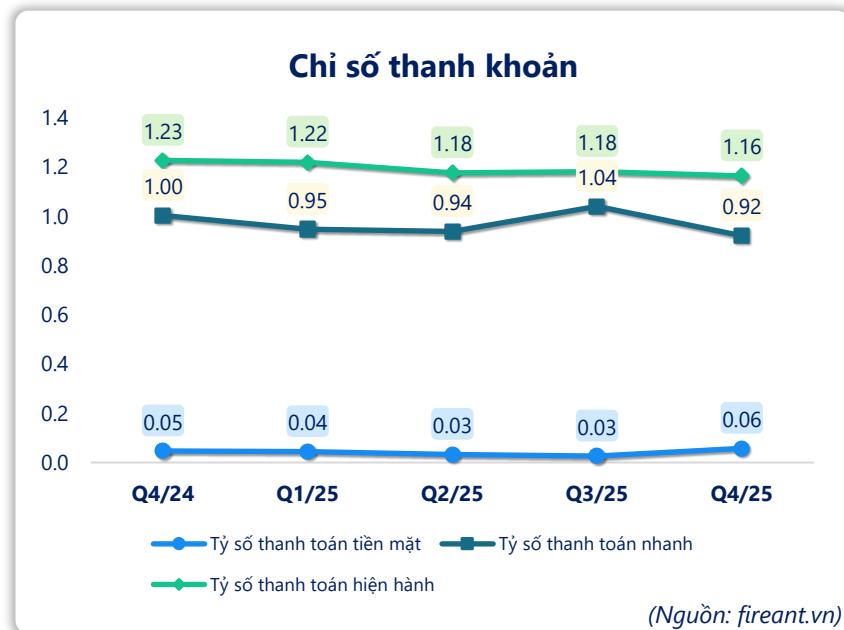
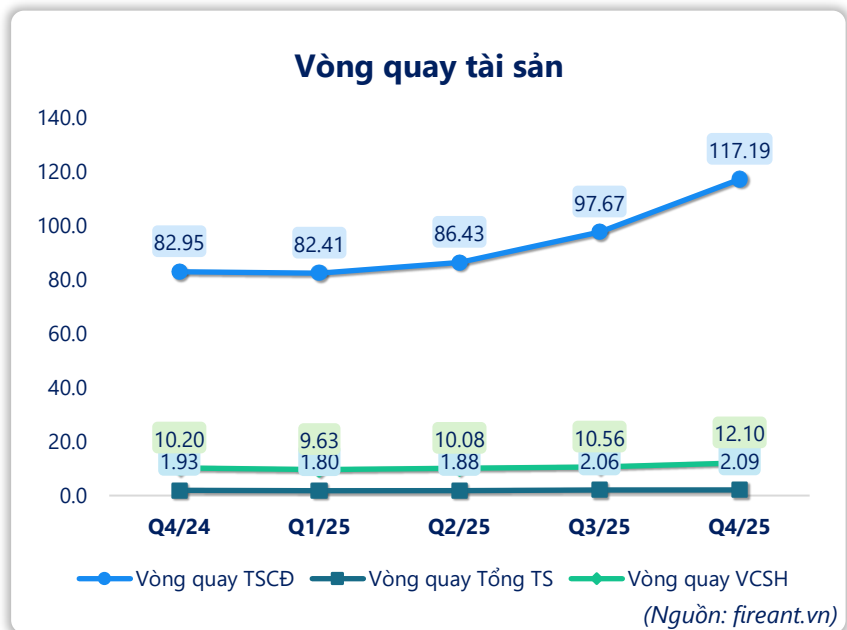
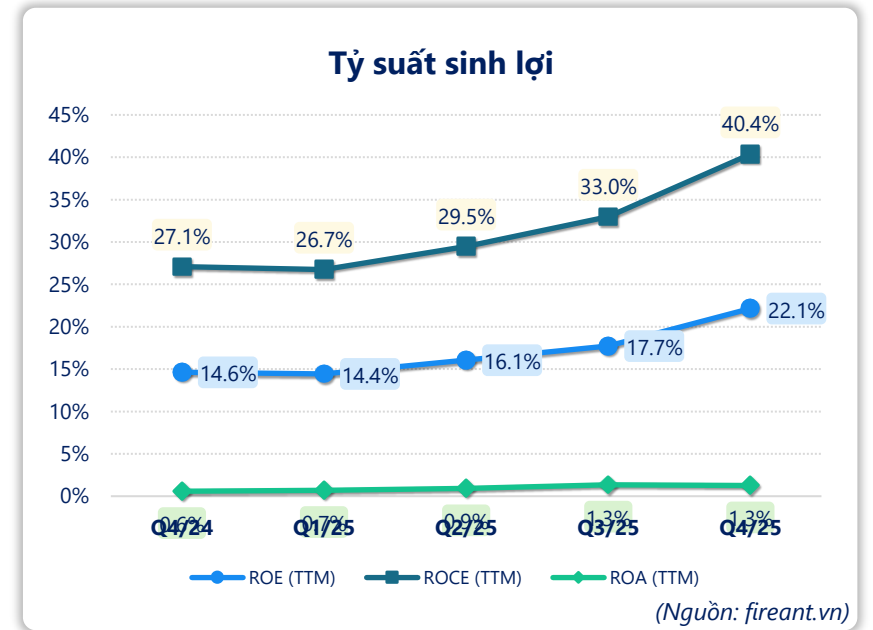
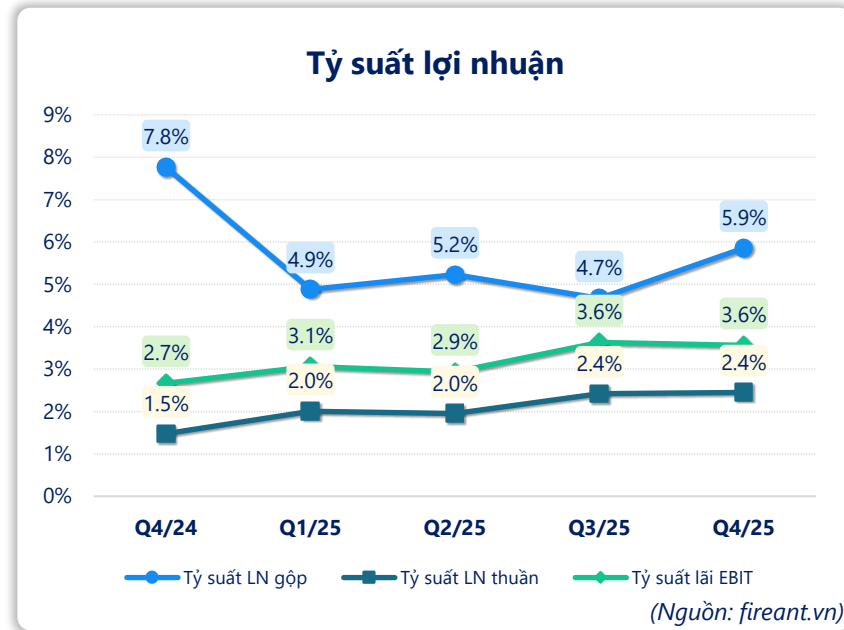
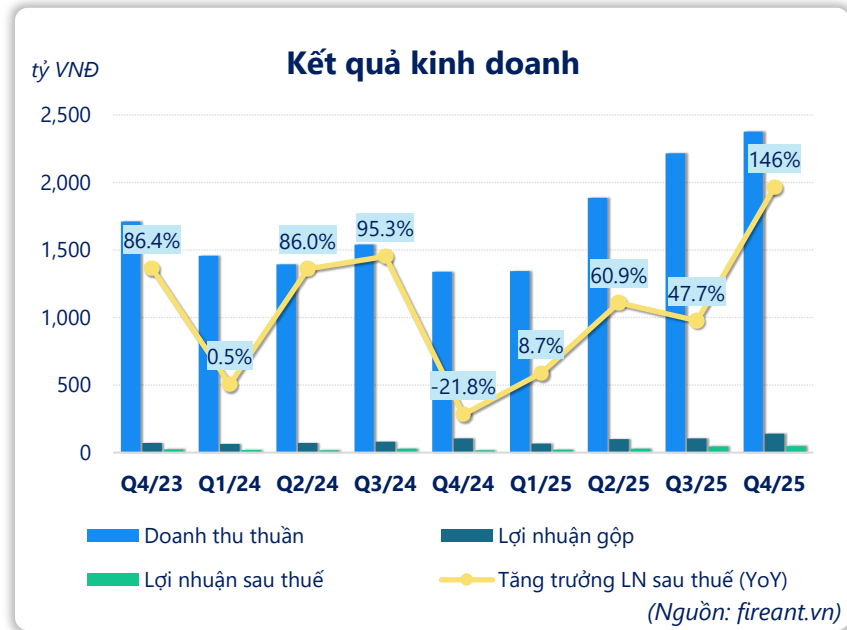


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,600
SL cổ phiếu LH		51,827,894
KLGD BQ 20 phiên (CP)		200,135
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		814
P/E		5.7
EPS		2,761

	YTD	1T	3T	6T
PSD	27.7%	-4.8%	18.0%	28.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,677	2,790	67.6%
Tài sản ngắn hạn	4,608	2,725	69.1%
Tiền và tương đương tiền	228	104	119%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,794	1,271	41.1%
Phải thu ngắn hạn	1,485	723	105%
Hàng tồn kho	961	526	82.9%
Tài sản ngắn hạn khác	139	101	38.6%
Tài sản dài hạn	69.6	65.5	6.2%
Phải thu dài hạn	1.15	0.04	2604%
Tài sản cố định	68.5	65.5	4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,961	2,214	78.9%
Nợ ngắn hạn	3,959	2,212	79.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,572	1,538	67.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,044	392	166%
Nợ dài hạn	1.74	2.28	-23.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	717	576	24.4%
Vốn chủ sở hữu	717	576	24.4%
Vốn điều lệ	518	518	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,338	1,343	1,886	2,215	2,376
Giá vốn hàng bán	1,234	1,277	1,787	2,111	2,237
Lợi nhuận gộp	104	65.5	98.6	103	139
Doanh thu HĐTC	22.6	23.4	32.7	47.3	50.1
Chi phí TC	19.6	12.9	21.0	23.9	29.8
Chi phí lãi vay	13.6	13.1	18.3	24.8	26.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	68.9	38.4	61.4	61.0	85.5
Chi phí QLDN	18.3	10.7	12.1	12.2	15.8
LN thuần từ HĐKD	19.8	26.9	36.8	53.6	58.2
Lợi nhuận khác	2.28	1.14	0.22	2.02	0.49
LN trước thuế	22.0	28.1	37.0	55.6	58.7
Lợi nhuận sau thuế	17.5	22.1	29.7	44.4	46.9
LNST của CĐ cty mẹ	17.5	22.1	29.7	44.4	46.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	135	-15.3	-387	199	-267
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-241	107	-312	-401	217
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	150	-89.2	696	185	190
Tiền đầu kỳ	60.4	104	107	104	86.7
Lưu chuyển tiền thuần	43.8	2.72	-2.94	-17.2	141
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	0	-0.13	0.13	-0.02
Tiền cuối kỳ	104	107	104	86.7	228

(Nguồn: fireant.vn)